

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1974/SNN-CCPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2023). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Điểm a khoản 5 Điều 21 và điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định:

“*Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.*”

Đối với dự án, kế hoạch của địa phương, cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định⁽²⁾;

“*Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án*”

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

⁽²⁾ Điểm a khoản 5 Điều 21 (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)

trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”⁽³⁾.

Điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo khoản 22 Điều 1 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP) quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “*Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này*”.

Căn cứ các quy định trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 23/TB-TTHĐND ngày 26 tháng 6 năm 2023.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Theo dự kiến tại khoản 1 Điều 1, dự thảo Nghị quyết có phạm vi điều chỉnh là: (i) Quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị (*hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị*) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (ii). Quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, **dịch vụ của cộng đồng** (*hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng*) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Theo quy định trên, dự án, phương án cung ứng dịch vụ của cộng đồng được hỗ trợ và điều này phù hợp với quy định tại Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*). Tuy nhiên, tên gọi (*trích yếu*) của dự thảo Nghị quyết thể hiện chỉ dự án, kế hoạch, phương án sản xuất được hỗ trợ. Như vậy, giữa phạm vi điều chỉnh và tên gọi dự thảo Nghị quyết chưa có sự thống nhất. Do chưa có sự thống nhất giữa phạm vi điều chỉnh và tên gọi dự thảo Nghị

⁽³⁾ Điểm a khoản 5 Điều 22 (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)

quyết nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên gọi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Sở Tư pháp nhận thấy đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với các nội dung khác có trong dự thảo.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản khác do Hội đồng nhân dân đã ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số vấn đề sau:

3.1. Đề nghị xem xét, chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Phần căn cứ ban hành Nghị quyết đề nghị xem xét, bổ sung các căn cứ sau cho đầy đủ, phù hợp với thẩm quyền về nội dung của văn bản: “*Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*”.

3.3. Để đảm bảo đầy đủ, thống nhất trong cách hiểu, cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại khoản 1 Điều 1 theo hướng sau: “*Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị (sau đây gọi là hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị); thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng (sau đây gọi là hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

3.4. Sở Tư pháp nhận thấy mức hỗ trợ được dự kiến phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Tuy nhiên, mức hỗ trợ dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ khả năng ngân sách và thực tiễn của địa phương để xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (Sở Tư pháp không thẩm định đối với các mức hỗ trợ).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản

quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ*) và Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý chỉnh sửa lỗi chính tả; tên các khoản trong Điều đề nghị trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng (*không in đậm*).

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đúng việc xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo Thông báo số 23/TB-TTHĐND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý một số vấn đề đã được nêu trong Báo cáo thẩm định này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁴⁾.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁵⁾.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁴⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽⁵⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật